

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 5 - 2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Chung;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1972 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng đăng ký thường trú tại: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn ông Trần Hoàng T trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Ông T và bà Th có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến nay ông T và bà Th không có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì bận công việc làm ăn kinh tế.

Lý do ly hôn: Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế, vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng ly thân từ ngày 29 tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Khi ly thân ông T sống ở ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau còn bà Th sống ở khóm 5, thị trấn N, huyện N. Thời gian ly thân, gia đình hai bên có hàn gắn hôn nhân nhưng không thành, nay ông T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về nuôi con chung: Ông T xác định có 02 người con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2001 (nam) và Trần Thị Thúy K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2006 (nữ). Hiện nay Chí T và Thúy K đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn, ông T giao Chí T và Thúy K cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 5 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như ông T trình bày, bà Th và ông T chung sống với nhau vào năm 2000, đến nay hôn nhân vẫn không đăng ký kết hôn vì thời gian qua bận công việc làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn được.

Mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vì ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 29 tháng 7 năm 2017 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th đồng ý ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Đúng như ông T trình bày. Khi ly hôn bà Th yêu cầu nuôi hết hai người con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, về con chung giao hết cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Th đồng ý ly hôn với ông T, đồng ý nuôi hết hai người con chung; về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Ông Trần Hoàng T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Th, bà Th yêu cầu nuôi hai người con chung, đây là các tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Th cư trú tại khóm 5, thị trấn N, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Th có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2000, được gia đình tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương, đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế, hôn nhân không hòa hợp, ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ ngày 29 tháng 7 năm 2017 đến nay. Ông T và bà Th xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông và bà vì đến nay các đương sự vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có hai người con chung, hiện nay đang sống với bà Th.

- Trần Chí T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2001 (nam);
- Trần Thị Thúy K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2006 (nữ).

Các đương sự thỏa thuận thống nhất giao Chí T và Thúy K cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của các cháu tại

Đơn trình bày ý kiến ngày 23 tháng 3 năm 2018 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Trần Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, ông T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị Th.

- Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Chí T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2001 (nam) và Trần Thị Thúy K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2006 (nữ) cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Trần Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch ông Trần Hoàng T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 3 năm 2018, ông T đã

nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015839 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền